

Công ty Cổ phần Dệt - May Huế

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty Cổ phần Dệt - May Huế
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận 3103000140 ngày 17 tháng 11 năm 2005
đăng ký kinh doanh số 3300100628 (thay đổi lần thứ 1) ngày 21 tháng 5 năm 2012

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh một lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300100628 ngày 21 tháng 5 năm 2012. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Bá Quang	Chủ tịch
	Ông Hồ Ngọc Lan	Thành viên
	Ông Trần Hữu Phong	Thành viên

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Bá Quang	Tổng Giám đốc
	Ông Hồ Ngọc Lan	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Hữu Phong	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Gia Định	Giám đốc điều hành
	Ông Nguyễn Thanh Tý	Giám đốc điều hành
	Ông Nguyễn Văn Phong	Giám đốc điều hành

Trụ sở đăng ký Số 122 Dương Thiệu Tước, Phường Thủy Dương
Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Dệt - May Huế
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt - May Huế (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 39 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Bá Quang
Tổng Giám đốc

Thừa Thiên Huế,

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dệt - May Huế**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dệt - May Huế (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày _____, được trình bày từ trang 5 đến trang 39.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dệt - May Huế tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 2 tháng 3 năm 2015.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-02-473-b

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội,

Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0296-2013-007-1

Công ty Cổ phần Dệt - May Huế
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		397.284.893.906	378.072.497.026
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	54.068.852.240	25.603.718.838
Tiền	111		19.768.852.240	13.336.888.564
Các khoản tương đương tiền	112		34.300.000.000	12.266.830.274
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		171.289.834.875	210.865.904.299
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	165.415.138.017	199.414.515.357
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.559.529.413	9.194.947.165
Phải thu ngắn hạn khác	136		2.965.661.858	4.528.525.480
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(6.650.494.413)	(2.272.083.703)
Hàng tồn kho	140	8	162.627.216.951	134.650.038.739
Hàng tồn kho	141		163.367.632.300	139.930.219.244
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(740.415.349)	(5.280.180.505)
Tài sản ngắn hạn khác	150		9.298.989.840	6.952.835.150
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.298.989.840	6.952.835.150
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		208.930.750.224	210.715.808.860
Tài sản cố định	220		184.956.934.136	191.060.201.577
Tài sản cố định hữu hình	221	9	184.956.934.136	191.060.201.577
Nguyên giá	222		626.455.181.009	586.844.682.105
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(441.498.246.873)	(395.784.480.528)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		861.753.810	861.753.810
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(861.753.810)	(861.753.810)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.373.623.373	186.312.727
Xây dựng cơ bản dở dang	242	10	3.373.623.373	186.312.727
Đầu tư tài chính dài hạn	250	11	11.763.136.069	12.653.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		12.783.000.000	12.653.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.019.863.931)	-
Tài sản dài hạn khác	260		8.837.056.646	6.816.294.556
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	8.837.056.646	6.816.294.556
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		606.215.644.130	588.788.305.886

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dệt - May Huế
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		466.997.998.445	474.639.637.331
Nợ ngắn hạn	310		373.490.824.457	369.451.227.016
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	66.680.398.420	40.666.520.687
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		814.788.550	576.071.491
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	2.701.829.824	2.235.098.396
Phải trả người lao động	314		102.799.520.576	90.640.842.748
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	1.860.130.462	6.801.882.593
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	23.224.017.815	21.794.310.497
Vay ngắn hạn	320	17(a)	159.449.763.914	192.405.522.708
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	18	15.960.374.896	14.330.977.896
Nợ dài hạn	330		93.507.173.988	105.188.410.315
Vay dài hạn	338	17(b)	93.507.173.988	105.188.410.315
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		139.217.645.685	114.148.668.555
Vốn chủ sở hữu	410	19	139.217.645.685	114.148.668.555
Vốn cổ phần	411	20	49.995.570.000	49.995.570.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		49.995.570.000	49.995.570.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	43.465.948.692	23.962.985.253
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		45.756.126.993	40.190.113.302
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		1.692.478.863	5.070.355.284
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		44.063.648.130	35.119.758.018
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		606.215.644.130	588.788.305.886

Người lập:

Người duyệt:

Lê Thị Bích Thủy
Kế toán tổng hợp

Đoàn Tư
Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dệt - May Huế**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****Mẫu B 02 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	1.480.821.947.310	1.379.742.772.109
Giá vốn hàng bán	11	25	1.309.806.567.507	1.221.869.204.522
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		171.015.379.803	157.873.567.587
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	10.101.340.067	7.149.264.985
Chi phí tài chính	22	27	20.052.056.831	21.728.574.224
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>15.311.584.561</i>	<i>19.563.008.563</i>
Chi phí bán hàng	25	28	51.544.627.461	46.946.841.188
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	53.208.868.522	53.530.548.756
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		56.311.167.056	42.816.868.404
Thu nhập khác	31	30	3.142.579.159	1.973.331.479
Chi phí khác	32	31	2.745.037.876	370.985.129
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		397.541.283	1.602.346.350
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		56.708.708.339	44.419.214.754
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	12.645.060.209	9.299.456.736
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		44.063.648.130	35.119.758.018
Lãi cơ bản trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	8.714	7.025

Người lập:

Người duyệt:

Lê Thị Bích Thủy
Kế toán tổng hợpĐoàn Tư
Kế toán trưởngNguyễn Bá Quang
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

Công ty Cổ phần Dệt - May Huế**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		56.708.708.339	44.419.214.754
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		52.840.591.685	52.468.524.606
Các khoản dự phòng	03		858.509.485	6.140.570.173
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(201.228.890)	11.834.567
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.849.428.448)	(5.061.055.337)
Chi phí lãi vay	06		15.311.584.561	19.563.008.563
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		123.668.736.732	117.542.097.326
Biến động các khoản phải thu	09		32.931.900.342	(50.205.464.074)
Biến động hàng tồn kho	10		(23.437.413.056)	(14.585.251.647)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		32.587.235.448	12.656.124.250
Biến động chi phí trả trước	12		1.148.922.001	(1.375.387.316)
			166.899.381.467	64.032.118.539
Tiền lãi vay đã trả	14		(13.481.983.687)	(16.968.475.972)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(11.783.071.740)	(12.340.149.127)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.366.603.000)	(2.390.578.178)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		139.267.723.040	32.332.915.262
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(53.094.318.981)	(66.659.541.437)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		421.247.728	1.951.470.906
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(130.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	4.000.000.000
Thu lãi tiền gửi, cổ tức được chia	27		1.428.180.720	3.109.584.431
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(51.374.890.533)	(57.598.486.100)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dệt - May Huế
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		1.004.339.365.366	1.021.002.921.834
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.048.945.542.004)	(980.906.269.934)
Tiền trả cổ tức	36		(14.942.461.400)	(14.998.671.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(59.548.638.038)	25.097.980.900
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		28.344.194.469	(167.589.938)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	5	25.603.718.838	25.771.923.408
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		120.938.933	(614.632)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	54.068.852.240	25.603.718.838

Người lập:

Người duyệt:

Lê Thị Bích Thủy
Kế toán tổng hợp

Đoàn Tư
Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dệt - May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dệt - May Huế (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất sợi;
- Nhuộm và hoàn tất vải sợi;
- Sản xuất các mặt hàng và sản phẩm dệt may; và
- Kinh doanh các mặt hàng và sản phẩm dệt may.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 3.955 nhân viên (1/1/2015: 3.871 nhân viên).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được lập theo phương pháp trực tiếp. Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày lại theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính sau đây:

- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh số 4(a)); và
- Lãi trên cổ phiếu (Thuyết minh số 4(q)).

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Công ty Cổ phần Dệt - May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 50 năm
▪ máy móc thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 10 năm
▪ tài sản cố định khác	2 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 10 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định bao gồm các chi phí chủ yếu phát sinh theo chu kỳ trong thời gian sử dụng tài sản. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Công ty Cổ phần Dệt - May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Dệt - May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Dệt - May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(q) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố. Do sự thay đổi chính sách kế toán này, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 giảm tương ứng 100 VND.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về dệt may tại một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam với các điều kiện kinh tế, chính trị và các quy định như nhau.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Tiền mặt	37.401.865	97.530.781
Tiền gửi ngân hàng	19.731.450.375	13.239.357.783
Các khoản tương đương tiền	34.300.000.000	12.266.830.274
	54.068.852.240	25.603.718.838

Công ty Cổ phần Dệt - May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Aurora Investments Global	72.680.867.978	51.111.343.285
Công ty TNHH Fashion Garments 2	20.727.994.230	8.336.118.171
Công ty tư nhân Ecofil Dis Ticaret A.S	10.063.559.986	1.037.619.442
Công ty TNHH Premier Exim (Hong Kong)	7.060.153.360	-
Công ty TNHH Thương mại Nguyễn Thanh	6.634.083.970	15.659.912.053
Công ty TNHH Dệt may Hưng Hiền	6.248.566.621	5.514.451.020
Công ty TNHH Supreme International	4.771.614.672	32.586.215.814
Công ty Cổ phần Dệt Hòa Khánh – Đà Nẵng	3.534.312.373	16.070.932.550
Các khách hàng khác	33.693.984.827	69.097.923.022
	165.415.138.017	199.414.515.357

(b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các công ty liên quan

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may Thiên An Phát	1.272.760.449	-
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	443.529.724	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Thời Trang		
Dệt may Việt Nam	-	152.554.992
Công ty Cổ Phần Thời Trang Hòa Thọ	-	33.402.000
	1.716.290.173	185.956.992

Các khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi suất và được hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Dệt - May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Nợ quá hạn

	Số ngày quá hạn	31/12/2015			Số ngày quá hạn	1/1/2015		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Hưng Thành Đạt	Trên 3 năm	2.885.077.519	2.885.077.519	-	2 – 3 năm	2.885.077.519	1.746.308.582	1.138.768.937
Ông Bùi Thế Quân	Trên 3 năm	2.258.962.319	2.258.962.319	-	Trên 3 năm	2.148.430.205	-	2.148.430.205
Ông Nguyễn Trọng Bùi	Trên 3 năm	844.336.192	844.336.192	-	Trên 3 năm	803.022.415	-	803.022.415
Công ty TNHH Taijiuh Garment	Trên 3 năm	476.800.856	476.800.856	-	Trên 3 năm	518.925.821	518.925.821	-
Khác	Trên 6 tháng	454.911.347	185.317.527	269.593.820	1 – 2 năm	13.698.600	6.849.300	6.849.300
		6.920.088.233	6.650.494.413	269.593.820		6.369.154.560	2.272.083.703	4.097.070.857
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi			6.650.494.413				2.272.083.703	

Công ty Cổ phần Dệt - May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Hàng tồn kho

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	5.316.805.494	-	14.036.196.440	-
Nguyên vật liệu	46.266.578.706	88.975.182	44.946.280.097	4.906.685.578
Công cụ và dụng cụ	9.965.885	-	15.025.033	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	57.156.905.000	-	39.453.422.277	-
Thành phẩm	40.902.232.454	623.690.940	30.576.954.463	352.603.108
Hàng hóa	369.505.920	27.749.227	106.868.740	20.891.819
Hàng gửi đi bán	13.345.638.841	-	10.795.472.194	-
	163.367.632.300	740.415.349	139.930.219.244	5.280.180.505

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có 28.638 triệu VND nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa (1/1/2015: 7.017 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Dệt - May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	134.382.840.810	432.952.197.276	7.802.419.252	11.408.300.767	298.924.000	586.844.682.105
Tăng trong năm	-	2.201.492.070	961.972.727	140.938.182	-	3.304.402.979
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.250.806.364	40.182.114.901	-	-	-	43.432.921.265
Thanh lý	(653.676.697)	(6.473.148.643)	-	-	-	(7.126.825.340)
Phân loại lại giữa các nhóm	50.260.000	(225.245.219)	48.938.219	176.307.000	(50.260.000)	-
Số dư cuối năm	137.030.230.477	468.637.410.385	8.813.330.198	11.725.545.949	248.664.000	626.455.181.009
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	64.131.206.431	315.134.604.913	6.071.121.872	10.249.367.382	198.179.930	395.784.480.528
Khấu hao trong năm	11.373.039.203	39.975.461.849	899.300.236	555.961.884	36.828.513	52.840.591.685
Thanh lý	(653.676.697)	(6.473.148.643)	-	-	-	(7.126.825.340)
Phân loại lại giữa các nhóm	27.305.789	(133.290.068)	30.934.074	102.355.994	(27.305.789)	-
Số dư cuối năm	74.877.874.726	348.503.628.051	7.001.356.182	10.907.685.260	207.702.654	441.498.246.873
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	70.251.634.379	117.817.592.363	1.731.297.380	1.158.933.385	100.744.070	191.060.201.577
Số dư cuối năm	62.152.355.751	120.133.782.334	1.811.974.016	817.860.689	40.961.346	184.956.934.136

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 313.365 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 278.710 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định có giá trị còn lại là 65.012 triệu VND (1/1/2015: 88.332 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 17).

Công ty Cổ phần Dệt - May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	186.312.727	19.847.020.547
Tăng trong năm	49.789.916.002	63.179.193.544
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(43.432.921.265)	(81.444.245.909)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(3.169.684.091)	(1.395.655.455)
Số dư cuối năm	3.373.623.373	186.312.727

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Mở rộng nhà máy may 3	2.232.694.546	-
Nhà máy sợi	954.616.100	-
Công trình khác	186.312.727	186.312.727
	3.373.623.373	186.312.727

Công ty Cổ phần Dệt - May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

Đơn vị	Địa chỉ	31/12/2015					1/1/2015						
		% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND		
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	Thừa Thiên Huế, Việt Nam	4,43	4,43	625.000.000	-		7,72	7,72	625.000.000	-			
Công ty Cổ phần Bông và Kinh doanh tổng hợp Miền Trung	Nha Trang, Việt Nam	7,12	7,12	650.000.000	32.095.075		7,12	7,12	650.000.000	-			
Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may Thiên An Phát	Thừa Thiên Huế, Việt Nam	5,00	5,00	1.500.000.000	-		7,5	7,5	1.500.000.000	-			
Công ty Cổ phần Dệt kim Vinatex	Hưng Yên, Việt Nam	2,65	2,65	1.008.000.000	301.764.036		3,6	3,6	1.008.000.000	-			
Công ty Cổ phần Dệt may Phú Hòa An	Thừa Thiên Huế, Việt Nam	15,00	15,00	3.000.000.000	686.004.820		28,7	28,7	2.870.000.000	-			
Công ty TNHH May Vinatex Hương Trà	Thừa Thiên Huế, Việt Nam	20,00	-	6.000.000.000	-		20,00	-	6.000.000.000	-			
				12.783.000.000	1.019.863.931	(*)					12.653.000.000	-	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá ghi sổ.

Công ty Cổ phần Dệt - May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí sửa chữa tài sản cố định VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	1.280.317.330	5.535.977.226	6.816.294.556
Tăng trong năm	126.198.182	5.914.612.240	6.040.810.422
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.169.684.091	-	3.169.684.091
Phân bổ trong năm	(2.121.278.913)	(5.068.453.510)	(7.189.732.423)
Số dư cuối năm	2.454.920.690	6.382.135.956	8.837.056.646

13. Phải trả người bán ngắn hạn**(a) Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Premier Exim (Hong Kong)	19.411.079.471	19.411.079.471	-	-
Công ty Cổ phần Dệt May Thiên An Phú	8.729.207.746	8.729.207.746	7.910.680.717	7.910.680.717
Công ty TNHH Hưng Gia Nguyễn	4.557.362.465	4.557.362.465	3.790.859.810	3.790.859.810
Công ty TNHH Yauken Industrial	686.648.417	686.648.417	4.040.542.991	4.040.542.991
Khác	33.296.100.321	33.296.100.321	24.924.437.169	24.924.437.169
	66.680.398.420	66.680.398.420	40.666.520.687	40.666.520.687

Công ty Cổ phần Dệt - May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải trả người bán ngắn hạn là các công ty liên quan**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt May Thiên An Phát	1.240.875.244	1.240.875.244	1.440.871.911	1.440.871.911
Công ty Cổ phần Dệt May Phú Hòa An	28.341.564	28.341.564	238.806.495	238.806.495
	1.269.216.808	1.269.216.808	1.679.678.406	1.679.678.406

Khoản phải trả cho các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	37.472.678.716	(37.472.678.716)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	379.645.559	(379.645.559)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.735.248.396	12.645.060.209	(11.783.071.740)	2.597.236.865
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.228.008.526	(1.123.415.567)	104.592.959
Các loại thuế và phí khác	499.850.000	641.780.061	(1.141.630.061)	-
	2.235.098.396	52.367.173.071	(51.900.441.643)	2.701.829.824

Công ty Cổ phần Dệt - May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Chi phí phải trả về phí giám sát đơn hàng, hoa hồng môi giới	692.441.249	4.301.022.741
Chi phí phải trả về gia công sản phẩm	1.167.689.213	1.806.445.274
Các khoản trích trước khác	-	694.414.578
	1.860.130.462	6.801.882.593

16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Kinh phí công đoàn	1.688.324.973	961.752.173
Bảo hiểm xã hội	-	1.336.550.440
Lãi vay phải trả Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam	17.478.558.937	15.648.958.063
Cổ tức phải trả	941.508.100	885.298.500
Các khoản phải trả khác	3.115.625.805	2.961.751.321
	23.224.017.815	21.794.310.497

Công ty Cổ phần Dệt - May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Vay****(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2015		Biến động trong năm		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	169.738.022.708	169.738.022.708	977.906.881.693	(1.022.048.860.487)	125.596.043.914	125.596.043.914
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 17(b))	22.667.500.000	22.667.500.000	35.143.720.000	(23.957.500.000)	33.853.720.000	33.853.720.000
	192.405.522.708	192.405.522.708	1.013.050.601.693	(1.046.006.360.487)	159.449.763.914	159.449.763.914

Công ty Cổ phần Dệt - May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	USD	1,8%	11.425.844.942	21.449.352.231
	VND	5,0%	25.411.479.548	33.371.118.010
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	USD	1,50%	14.061.979.310	24.908.097.979
	VND	5,0%	24.369.778.534	38.862.445.788
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	VND	7%	-	5.522.570.081
Ngân hàng TMCP Quân đội	USD	1,50%	17.331.155.187	19.450.932.471
	VND	5 – 5,1%	18.932.116.348	26.173.506.148
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	USD	1,40%	8.443.667.271	-
	VND	5,5%	5.620.022.774	-
			125.596.043.914	169.738.022.708

Công ty Cổ phần Dệt - May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay dài hạn**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Vay dài hạn	127.360.893.988	127.855.910.315
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 17(a))	(33.853.720.000)	(22.667.500.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	93.507.173.988	105.188.410.315

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	9,0%	2018	7.722.943.845	11.002.943.845
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	USD VND	8,0%	2015 2022	- 50.432.118.635	31.658.027.033 6.001.173.900
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	VND	9,0%	2017 - 2018	17.400.000.000	24.600.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	6,5 - 9,2%	2018 - 2019	33.822.534.269	33.110.468.298
Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam	VND	9,0%	2020	17.983.297.239	21.483.297.239
				127.360.893.988	127.855.910.315

Khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ ngân hàng được đảm bảo bằng máy móc thiết bị có giá trị còn lại là 65.012 triệu VND (1/1/2015: 88.332 triệu VND) (Thuyết minh 9).

Công ty Cổ phần Dệt - May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	14.330.977.896	1.083.502.424
Trích lập trong năm	3.996.000.000	15.143.921.062
Tăng khác	17.825.000	80.000.000
Sử dụng trong năm	(2.384.428.000)	(1.976.445.590)
Số dư cuối năm	15.960.374.896	14.330.977.896

Công ty Cổ phần Dệt - May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	49.995.570.000	16.519.240.061	7.937.877.780	38.746.705.413	113.199.393.254
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	35.119.758.018	35.119.758.018
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(15.143.921.062)	(15.143.921.062)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	(14.998.671.000)	(14.998.671.000)
Khoản mục khác	-	-	(494.132.588)	(3.533.758.067)	(4.027.890.655)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	49.995.570.000	16.519.240.061	7.443.745.192	40.190.113.302	114.148.668.555
<i>Phân loại lại (Thuyết minh 22)</i>	-	7.443.745.192	(7.443.745.192)	-	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 – đã phân loại lại	49.995.570.000	23.962.985.253	-	40.190.113.302	114.148.668.555
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	44.063.648.130	44.063.648.130
Phân bổ vào các quỹ	-	19.502.963.439	-	(19.502.963.439)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.996.000.000)	(3.996.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	(14.998.671.000)	(14.998.671.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	49.995.570.000	43.465.948.692	-	45.756.126.993	139.217.645.685

Công ty Cổ phần Dệt - May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	4.999.557	49.995.570.000	4.999.557	49.995.570.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	4.999.557	49.995.570.000	4.999.557	49.995.570.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	4.999.557	49.995.570.000	4.999.557	49.995.570.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

21. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 21 tháng 3 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 14.998 triệu VND (2014: 14.998 triệu VND).

22. Quỹ đầu tư phát triển

Năm 2015, Công ty trích lập quỹ đầu tư và phát triển từ lợi nhuận sau thuế với mức trích lập là 39% vốn điều lệ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông của Công ty (2014: không). Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã phân loại lại số dư của Quỹ dự phòng tài chính sang Quỹ đầu tư phát triển theo Điều 70, Thông tư 200.

Công ty Cổ phần Dệt - May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	625.697	14.037.635.163	344.081	7.353.630.909
EUR	194	4.739.033	206	5.301.271
		<u>14.042.374.196</u>		<u>7.358.932.180</u>

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty có các kế hoạch đầu tư đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	2015 VND	2014 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	222.540.000.000	176.560.000.000
	<u>222.540.000.000</u>	<u>176.560.000.000</u>

(c) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Vật tư hàng hóa nhận bán hộ, ký gửi	655.346.580	611.614.880
	<u>655.346.580</u>	<u>611.614.880</u>

Công ty Cổ phần Dệt - May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán thành phẩm và phế liệu	1.465.674.732.829	1.362.841.800.283
Doanh thu bán hàng hóa	14.558.110.241	13.976.926.120
Doanh thu cung cấp dịch vụ và khác	589.104.240	2.924.045.706
	1.480.821.947.310	1.379.742.772.109

25. Giá vốn hàng bán

	2015 VND	2014 VND
Thành phẩm và phế liệu đã bán	1.303.271.075.985	1.201.191.673.483
Hàng hoá đã bán	10.791.229.784	13.360.764.730
Dịch vụ cung cấp	284.026.894	2.427.824.169
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.539.765.156)	4.888.942.140
	1.309.806.567.507	1.221.869.204.522

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi	467.911.720	748.260.747
Cổ tức nhận được	960.269.000	2.361.323.684
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.324.581.348	3.574.678.907
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	348.577.999	158.618.305
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	306.383.342
	10.101.340.067	7.149.264.985

Công ty Cổ phần Dệt - May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Chi phí tài chính**

	2015 VND	2014 VND
Chi phí lãi vay	15.311.584.561	19.563.008.563
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.573.259.230	1.995.112.789
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	147.349.109	170.452.872
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	1.019.863.931	-
	20.052.056.831	21.728.574.224

28. Chi phí bán hàng

	2015 VND	2014 VND
Chi phí vận chuyển, hoa hồng môi giới, phí giám sát đơn hàng	49.127.918.271	45.163.820.764
Chi phí khấu hao	205.728.990	184.947.895
Chi phí bán hàng khác	2.210.980.200	1.598.072.529
	51.544.627.461	46.946.841.188

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân công	26.463.020.033	29.802.208.195
Dự phòng phải thu khó đòi	4.378.410.710	1.075.230.598
Dự phòng khác	-	176.397.435
Chi phí khấu hao	2.823.936.278	3.113.105.468
Chi phí vật liệu quản lý và đồ dùng văn phòng	2.014.808.914	2.793.015.912
Thuế, phí và lệ phí	3.516.096.008	3.058.536.522
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.854.740.856	4.930.177.766
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	10.157.855.723	8.581.876.860
	53.208.868.522	53.530.548.756

Công ty Cổ phần Dệt - May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***30. Thu nhập khác**

	2015 VND	2014 VND
Thu nhập từ thanh lý nhượng bán tài sản cố định	421.247.728	1.951.470.906
Thu nhập khác	2.721.331.431	21.860.573
	3.142.579.159	1.973.331.479

31. Chi phí khác

	2015 VND	2014 VND
Các khoản phạt	276.349.709	350.479.141
Chi phí khác	2.468.688.167	20.505.988
	2.745.037.876	370.985.129

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng hóa để bán lại	815.215.201.663	842.616.729.202
Chi phí nhân công	351.906.384.849	297.058.510.283
Chi phí khấu hao	52.840.591.685	52.468.524.606
Chi phí dịch vụ mua ngoài	135.398.510.087	118.729.330.932
Chi phí khác	76.960.891.012	49.806.133.900

Công ty Cổ phần Dệt - May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***33. Thuế thu nhập****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	12.305.155.909	9.299.456.736
Bổ sung thiếu cho những năm trước	339.904.300	-
	12.645.060.209	9.299.456.736

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	56.708.708.339	44.419.214.754
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	12.475.915.835	9.772.227.246
Chi phí không được khấu trừ thuế	84.793.054	81.616.728
Thu nhập không bị tính thuế	(211.259.180)	(519.491.210)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	(44.293.800)	(34.896.028)
Bổ sung thiếu cho những năm trước	339.904.300	-
	12.645.060.209	9.299.456.736

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các quy định thuế hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận chịu thuế trong năm 2015 và 20% từ năm 2016 trở đi (2014: 22%).

Công ty Cổ phần Dệt - May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi dự kiến là 500 triệu VND và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 4.999.557 cổ phiếu (2014: 4.999.557 cổ phiếu), chi tiết như sau:

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	44.063.648.130	35.119.758.018
Số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi dự kiến	(500.000.000)	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (*)	43.563.648.130	35.119.758.018

(*): Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi dự kiến (Thuyết minh 4(q)).

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND	2014 VND
Tập đoàn Dệt may Việt Nam		
Bán hàng hóa	4.115.059.200	888.395.156
Mua dịch vụ	140.400.000	-
Trả cổ tức	9.830.499.000	9.830.499.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Thời trang Dệt may Việt Nam		
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	770.774.161
Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ		
Bán hàng hóa và dịch vụ	674.263.183	4.087.389.962
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ		
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	54.729.090
Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may Thiên An Phát		
Bán hàng hóa và dịch vụ	4.703.412.241	205.998.941
Mua hàng hóa và dịch vụ	26.884.874.949	15.890.134.780
Cổ tức nhận được	335.550.000	1.203.923.684

Công ty Cổ phần Dệt - May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND	2014 VND
Công ty Cổ phần Dệt may Phú Hòa An		
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.270.404.783	3.452.944.904
Mua hàng hóa và dịch vụ	19.252.145.741	3.452.944.904
Cổ tức nhận được	-	430.900.000
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài		
Bán hàng hóa	2.609.123.399	-
Mua hàng hóa	18.308.929	-
Cổ tức nhận được	598.719.000	687.500.000
Công ty Cổ phần Bông và Kinh doanh tổng hợp Miền Trung		
Cổ tức nhận được	26.000.000	39.000.000
Công ty Cổ phần Vinatex Hồng Lĩnh		
Bán hàng hóa	1.851.069.255	-
Trung tâm y tế Dệt may		
Mua dịch vụ	279.720.000	-
Thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thưởng	3.253.696.100	3.414.358.589

Công ty Cổ phần Dệt - May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***36. Số liệu so sánh**

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty áp dụng phi hồi tố Thông tư 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán

	1/1/2015 (phân loại lại) VND	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây) VND
Phải thu ngắn hạn khác	4.528.525.480	3.875.818.127
Tài sản ngắn hạn khác	-	652.707.353
Quỹ dự phòng tài chính	-	7.443.745.192
Quỹ đầu tư phát triển	23.962.985.253	16.519.240.061

Người lập:

Người duyệt:

Lê Thị Bích Thủy
*Kế toán tổng hợp*Đoàn Tư
*Kế toán trưởng*Nguyễn Bá Quang
Tổng Giám đốc